

-(으)ㄴ/는 듯하다

đường như, có vẻ

Anh em văn viết của 것 같다. Cùng ngữ pháp, cùng nghĩa — nhưng thuộc về báo cáo, bài báo và văn bản có cân nhắc.

Cách kết hợp

Loại từ	Dạng	Ví dụ
Động từ, hiện tại	-는 듯하다	오다 → 오는 듯하다
Động từ, đã hoàn tất	-(으)ㄴ 듯하다	가다 → 간 듯하다
Tính từ	-(으)ㄴ 듯하다	좋다 → 좋은 듯하다
Điều sắp tới	-(으)ㄴ 듯하다	올 듯하다
Kết thúc bằng ㄴ	ㄴ 로	만들다 → 만드는 듯하다
Từ khác	-듯이 = như thế	아는 듯이 말했어요

Khi nào dùng

Hình thức theo hệ thống định ngữ giống hết 것 같다: động từ dùng -는 듯하다, tính từ dùng -(으)ㄴ 듯하다, hành động đã hoàn tất dùng -(으)ㄴ 듯하다, và điều sắp tới dùng -(으)ㄴ 듯하다. Gốc có ㄴ thì rơi ㄴ.

Điểm khác với 것 같다 chỉ nằm ở văn phong. 듯하다 nghe chừng mực và hơi văn chương, nên phổ biến trong tin tức và báo cáo trang trọng: 시장이 회복되는 듯하다.

Khác với 모양이다 và 나 보다, nó có thể dùng để nói về bản thân, giống như 것 같다.

Hãy chú ý đến dạng liên quan -듯이, có nghĩa là “như thế” và là một cấu trúc khác: 아는 듯이 말했어요.

Ví dụ trong câu

- 1** 시장이 서서히 회복되는 듯하다.
Thị trường dường như đang dần phục hồi.
- 2** 그는 이미 사실을 알고 있는 듯했다.
Anh ấy dường như đã biết sự thật từ trước.
- 3** 이번 결정은 성급한 듯합니다.
Quyết định này có vẻ vội vàng.
- 4** 내일은 비가 올 듯합니다.
Có vẻ ngày mai trời sẽ mưa.
- 5** 직접 만든 듯한 맛이었어요.
Hương vị như thể được làm bằng tay.
- 6** 표정을 보니 결과가 좋지 않은 듯해요.
Nhìn nét mặt anh ấy, có vẻ kết quả không tốt.

So sánh với

-(으)ㄴ/는 것 같다
Ngữ pháp giống hết, văn phong khác. 것 같다 là để nói; 듯하다 là để viết. Dùng 듯하다 khi nói chuyện thân mật nghe sách vở.
비가 오는 것 같아요. (văn nói) / 비가 오는 듯하다. (văn viết)

-(으)ㄴ/는 모양이다
모양이다 đòi hỏi bằng chứng bên ngoài và không thể mô tả bản thân bạn. 듯하다 không có hạn chế nào trong hai điều đó, nên linh hoạt hơn.
제가 실수한 듯합니다. (về bản thân) / 제가 실수한 모양이에요. (sai)

-듯이
Một cấu trúc riêng có nghĩa là “như thế”. Nó bổ nghĩa cho cách một việc được làm chứ không làm giảm mức chắc chắn của nhận định.
아는 듯하다. (có vẻ biết) / 아는 듯이 말했다. (nói như thể đã biết)

Lưu ý

- ✗ 이번 결정은 성급하는 듯합니다.**
○ **이번 결정은 성급한 듯합니다.**
성급하다 là tính từ nên dùng -(으)ㄴ. -는 dành cho động từ.
- ✗ 부엌에서 뭘 만들든 듯해요.**
○ **부엌에서 뭘 만드는 듯해요.**
Gốc từ kết thúc bằng ㄴ bị rơi ㄴ trước -는, như mọi nơi khác trong hệ thống định ngữ.
- ✗ 아, 비가 오는 듯해.**
○ **아, 비가 오는 것 같아.**
듯하다 thuộc về văn viết và lời nói trang trọng. Giữa bạn bè với nhau nó nghe văn chương một cách lạ lùng.